

Bản án số: 81/2020/HS- ST

Ngày 30-11-2020

NHÂN DANH**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN Y, TỈNH BẮC G****- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Oanh*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Anh Dũng

Ông Nguyễn Quang Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên .

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2020/TLST- HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2020/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

*** Họ và tên:** Bùi Kim C, sinh năm 1990

Tên gọi khác: không; nơi ĐKKH và chỗ ở: tổ dân phố H, thị trấn C, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn L và bà: Ngô Thị L; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/8/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện T (có mặt tại phiên tòa)

*** Bị hại:****-** Chị Dương Thị Th, sinh năm 1991 (có mặt)**-** Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Anh Nguyễn Văn S do chị Dương Thị Th đại diện theo ủy quyền

Đều cư trú: thôn L, xã L, huyện T, tỉnh B.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:****-** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Ch, xã L, huyện T, tỉnh B.

*** Người làm chứng:****-** Anh Nguyễn Quý Th, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn L, xã L, huyện T, tỉnh B;

- Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố B, thị trấn C, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28/8/2020, Bùi Kim C, sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố H, thị trấn C, huyện T đi bộ từ nhà ra ngã tư thị trấn C, huyện T để bắt xe ô tô xuống thành phố B chơi. Tại đây, C đã gặp Đặng Phi H, sinh năm 1992, ở tổ dân phố B, thị trấn C, huyện T mà C quen biết từ trước. Sau đó H đi xe mô tô Dream của H rủ C đến quán sửa chữa loa đài của anh Bùi Văn Th, sinh năm 1990, ở tổ dân phố B, thị trấn C, huyện T, tỉnh B chơi thì H bảo C ngồi đợi tại quán. Sau đó H đi ra ngoài khoảng 30 phút sau thì quay lại và bảo C “Lên xe đi chơi” thì C đồng ý. H chở C đi qua địa phận xã V, huyện T đến xã L, huyện T xem nhà ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đi đến cổng gia đình nhà chị Dương Thị Th, sinh năm 1991, ở thôn L, xã L, huyện T, tỉnh B thì C và H nhìn thấy cổng gia đình nhà chị Th không khóa, H rẽ vào cổng gia đình chị Th gọi tên vu vơ với mục đích xem có ai ở nhà không thì không thấy ai trả lời. H mở chốt cổng lái xe chở C vào trong sân của gia đình nhà chị Th rồi bảo C “Vào trong nhà xem có ai không”, C xuống xe mở cửa chính ngó vào trong nhà không thấy ai rồi bảo H không có ai, H nói với C “Vào trong nhà xem có gì không” thì C đi vào trong nhà thấy bên trái cửa chính ra vào của gia đình chị Th có một chiếc ti vi nhãn hiệu Sam Sung màu đen, loại 58 inch đặt ở trên kệ gỗ, C đi đến chỗ để ti vi và dùng tay phải rút dây nguồn kết nối với ti vi rồi hai tay bê chiếc ti vi trộm cắp ra ngoài chỗ xe H đợi rồi đặt chiếc ti vi lên xe để giữa H và C và hai tay giữ hai đầu chiếc ti vi cùng H chở chiếc ti vi trộm cắp về quán sửa loa đài của anh Bùi Văn Th. Khi đến quán anh Th, H bảo C đứng chờ ở ngoài, còn H bê chiếc ti vi trộm cắp vào quán nhà anh Th gửi nhờ chiếc ti vi và xem hỏng chỗ nào thì sửa hộ. Sau đó, H chở C đi lên thị trấn Nh, huyện T chơi. Khi đến bến xe thị trấn Nh, huyện T, H nói với C đi xe taxi về quán sửa loa đài của anh Th lấy ti vi đem đến đường rẽ vào xã A, huyện T. Nghe lời H, C đã bắt xe Taxi của một người đàn ông khoảng hơn 30 tuổi, C không nhớ biếu kiểm soát xe ô tô, C không biết tên tuổi, địa chỉ người này ở đâu chờ quay lại quán anh Th lấy chiếc ti vi rồi đi lên điểm hẹn gặp H. Tại đây, H tiếp tục bảo C chở chiếc ti vi quay lại quán thịt chó 559, tại thôn Ch, xã L, huyện T và đợi H ở ven đường. C đi xe taxi chở chiếc ti vi về quán thịt chó 559 và đợi H tại ven đường đối diện quán. Sau đó H đi xe mô tô đến vào trong quán 559 thì gặp anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1981, nơi ở thôn Ch, xã L, huyện T, tỉnh B là chủ quán 559. Do không biết chiếc ti vi trên là do H và C trộm cắp mà có, nên anh Đ và H đã thỏa thuận mua, bán chiếc ti vi cho anh Đ với giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) và anh Đ phải trả cho H tiền Taxi là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi bán được ti vi trộm cắp, H nói với C bán được 2.000.000 đồng. Sau đó H và C đi chơi và ăn tiêu tiền từ việc bán chiếc ti vi trộm cắp. Sau khi đi chơi về, H chia cho C 500.000 (Năm trăm nghìn đồng) từ số tiền bán ti vi trộm cắp có được, số tiền này C đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi bị mất tài sản. Ngày 28/8/2020 chị Dương Thị Th làm đơn trình báo Công an huyện T để giải quyết.

Ngày 29/8/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành khám nghiệm hiện trường. Quá trình khám nghiệm hiện trường không thu giữ đồ vật, tài sản gì có liên quan đến vụ án. Cùng ngày, Bùi Kim C đến Công an huyện T đầu thú và khai nhận cùng Đặng Phi H đã trộm cắp tài sản nhà chị Dương Thị Th.

Căn cứ lời khai của Bùi Kim C, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến đã triệu tập Đặng Phi H đến làm việc, nhưng đối tượng H không đến. Tiến hành xác minh tại gia đình và địa phương được biết H không có mặt tại gia đình và địa phương, nên Cơ quan điều tra không tiến hành làm việc lấy lời khai của H được.

Ngày 29/9/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T tạm giữ của anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1981, trú tại thôn Ch, xã L, huyện T 01 (một) chiếc HD Sam Sung, màu đen loại 58 inch, có mã sản phẩm UA58RU7100KXXV, phiên bản DA01/URU7100, ti vi đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 61/KL-ĐGTS ngày 03/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, tỉnh B kết luận: 01(một) chiếc Tivi nhãn hiệu Sam Sung, màu đen loại 58 inch đã qua sử dụng. “Mẫu sản phẩm UA58RU7100KXXV; phiên bản DA01/URU7100” có giá trị 11.616.000 đồng (mười một triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng).

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tiến hành cho bị cáo Bùi Kim C thực nghiệm điều tra. Kết quả thực nghiệm điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo Bùi Kim C.

Tại bản cáo trạng số 84/CT-VKS ngày 12/11/2020 của Viện kiểm sát huyện T, tỉnh B đã truy tố bị cáo Bùi Kim C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự

Tuyên bố bị cáo Bùi Kim C phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Bùi Kim C từ 10 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Bùi Kim C cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Đề nghị Hội đồng xét xử trả tự do cho bị cáo C tại phiên tòa. Bị cáo C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo C thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị hại chị Dương Thị Th trình bày: ngày 28/8/2020 gia đình chị bị Bùi Kim C lấy 01chiếc ti vi Sam Sung, màu đen loại 58 inch. Đến nay, gia đình chị đã nhận lại chiếc ti vi trên nên chị không có yêu cầu gì về phần bồi thường và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C.

Người làm chứng anh Nguyễn Quý Th trình bày: anh không có họ hàng thân thích gì với bị cáo Bùi Kim C. Ngày 28/8/2020 khi anh đang ở nhà thì thấy có hai

thanh niên đi xe mô tô Drem đang chở chiếc ti vi đi qua đường. Sau này anh mới biết chiếc ti vi mà hai thanh niên đó chở là tài sản của gia đình chị Th, anh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị hại anh S vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho chị Th. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đ có đơn xin vắng mặt và người làm chứng anh Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai trong quá trình điều tra. Sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28/8/2020, Bùi Kim C, sinh năm 1990, nơi ở tổ dân phố H, thị trấn C, huyện T đã có hành vi trộm cắp 01(một) chiếc Tivi nhãn hiệu Sam Sung, màu đen loại 58 inch đã qua sử dụng. “Mẫu sản phẩm UA58RU7100KXXV; phiên bản DA01/URU7100”, có giá trị 11.616.000 đồng (mười một triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng) của gia đình chị Dương Thị Th, sinh năm 1991, trú tại thôn L, xã L, huyện T, tỉnh B.

Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc ti vi của gia đình chị Th trị giá 11.616.000đồng, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt áp dụng đối với bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, bản cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: bị cáo là người có nhân thân tốt.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về

hành vi phạm tội của mình. Bị cáo C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi thực hiện phạm tội, bị cáo đã đến cơ quan điều tra công an huyện T đầu thú. Tại phiên Tòa bị hại chị Th đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy bị cáo C có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, cụ thể và rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo đã chấp hành tốt pháp luật cũng như quy định của địa phương nơi cư trú. Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử thấy, không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân chấp hành tốt pháp luật, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Do bị cáo Bùi Kim C bị xử phạt tù nhưng được hưởng án treo cần trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có thu nhập, không có tài sản gì, sống phụ thuộc vào gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với Đặng Phi H. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T triệu tập đến làm việc, nhưng H không chấp hành. Quá xác minh H không có mặt tại gia đình và địa phương, nên không tiến hành làm việc lấy lời khai của Đặng Phi H được. Ngoài lời khai của bị cáo Bùi Kim C ra thì không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện H là người thực hiện hành vi trộm cắp cùng C. Ngày 27/10/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tách toàn bộ tài liệu có liên quan đến Đặng Phi H để tiếp tục xác minh, điều tra, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

[6] Đối với anh Nguyễn Văn Đ là người mua chiếc ti vi do Đặng Phi H đem đến bán, anh Bùi Văn Th là người cho Đặng Phi H gửi chiếc ti vi, nhưng anh Đ và anh Th không biết chiếc ti vi là tài sản do trộm cắp mà có. Nên anh Nguyễn Văn Đ và anh Bùi Văn Th không phạm tội “Chứa chấp hoặc Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 323 Bộ luật hình sự.

[7] Đối với chiếc xe ô tô và người đàn ông lái xe Taxi chở Bùi Kim Cương cùng chiếc ti vi trộm cắp. Căn cứ vào tài liệu thu thập được có trong hồ sơ, Cơ quan điều tra không đủ thông tin xác minh làm rõ, nên không xem xét xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho gia đình chị Dương Thị Th chiếc ti vi bị trộm cắp, đến nay gia đình chị Th không có yêu cầu bị cáo C phải bồi thường thiệt hại. Anh Nguyễn Văn Đ cũng không yêu cầu bị cáo C phải trả lại số tiền 2.150.000 đồng mà anh đã bỏ ra trả tiền xe Taxi và mua chiếc ti vi do C trộm cắp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: bị cáo C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Kim C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Kim C 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo C cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo C.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Bùi Kim C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ;
- Lưu Hs, Vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Oanh

